

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GỐC CẤP CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM ĐỢT 3 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng nhận hoàn thành lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm đợt 3 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 905-QĐ/HVBCCTT-ĐT ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 05/01/2026 đến ngày 26/01/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Ký nhận
1	Hoàng Thị Thúy An	02.7.1994	Quảng Trị	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000001	NVSP3/2025.01	
2	Hoàng Lê Quỳnh Anh	30.01.2007	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000002	NVSP3/2025.02	
3	Đào Hoàng Hải Anh	10.11.2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000003	NVSP3/2025.03	
4	Nguyễn Hồng Anh	21.7.2003	Quảng Ninh	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000004	NVSP3/2025.04	
5	Đỗ Hoàng Hải Anh	03.9.2001	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000005	NVSP3/2025.05	
6	Huỳnh Anh	18.5.2005	Hậu Giang	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000006	NVSP3/2025.06	
7	Phạm Thị Bảo Anh	04.01.2005	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000007	NVSP3/2025.07	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Ký nhận
8	Thân Thị Ngọc Ánh	20.3.2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000008	NVSP3/2025.08	
9	Hà Khánh Bảo	04.11.2007	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000009	NVSP3/2025.09	
10	Bùi Tâm Bình	01.11.2004	Thanh Hóa	Nữ	Mường	HBT/BDNVSP 000010	NVSP3/2025.10	
11	Trần Tấn Bửu	26.4.2002	Tây Ninh	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000011	NVSP3/2025.11	
12	Bùi Văn Cầm	05.6.2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000012	NVSP3/2025.12	
13	Phan Hồng Châu	10.9.1980	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000013	NVSP3/2025.13	
14	Đào Ngọc Châu	31.12.2005	Hà Tây	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000014	NVSP3/2025.14	
15	Đinh Thị Linh Chi	27.11.2003	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000015	NVSP3/2025.15	
16	Nguyễn Khánh Chi	28.10.2001	Cần Thơ	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000016	NVSP3/2025.16	
17	Lù Thị Chương	11.7.2004	Hà Giang	Nữ	Lô Lô	HBT/BDNVSP 000017	NVSP3/2025.17	
18	Hoàng Minh Công	15.01.2004	Ninh Bình	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000018	NVSP3/2025.18	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Ký nhận
19	Vũ Đức Cường	04.8.2005	Hưng Yên	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000019	NVSP3/2025.19	
20	Chu Văn Đạt	02.6.2003	Hà Nam	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000020	NVSP3/2025.20	
21	Bùi Thành Đạt	23.12.2004	Thái Bình	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000021	NVSP3/2025.21	
22	Nguyễn Thế Định	23.11.1982	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000022	NVSP3/2025.22	
23	Đào Thị Dung	23.5.2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000023	NVSP3/2025.23	
24	Nguyễn Tấn Dũng	18.3.2005	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000024	NVSP3/2025.24	
25	Nguyễn Thùy Dương	26.5.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000025	NVSP3/2025.25	
26	Nguyễn Thùy Dương	14.11.2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000026	NVSP3/2025.26	
27	Phạm Nguyễn Duy	16.12.2004	Tuyên Quang	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000027	NVSP3/2025.27	
28	Nguyễn Hồng Duyên	27.3.2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000028	NVSP3/2025.28	
29	Nguyễn Thanh Hà	26.8.2001	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000029	NVSP3/2025.29	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Ký nhận
30	Kiều Thu Hà	10.8.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000030	NVSP3/2025.30	
31	Nguyễn Thu Hà	25.9.2002	Quảng Trị	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000031	NVSP3/2025.31	
32	Hoàng Thị Hồng Hải	15.5.2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000032	NVSP3/2025.32	
33	Đình Minh Hải	03.02.2002	Hòa Bình	Nam	Mường	HBT/BDNVSP 000033	NVSP3/2025.33	
34	Nguyễn Thị Diễm Hằng	01.01.2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000034	NVSP3/2025.34	
35	Bùi Đức Thúy Hiền	15.8.2006	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000035	NVSP3/2025.35	
36	Dương Thị Thúy Hiền	21.12.2003	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000036	NVSP3/2025.36	
37	Hoàng Vĩnh Trung Hiếu	10.12.1987	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000037	NVSP3/2025.37	
38	Ngô Thị Thanh Hoa	14.11.1991	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000038	NVSP3/2025.38	
39	Nguyễn Thị Hồng	07.8.1994	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000039	NVSP3/2025.39	
40	Nguyễn Thị Huệ	24.7.1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000040	NVSP3/2025.40	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Ký nhận
41	Nguyễn Mạnh Hùng	15.8.1998	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000041	NVSP3/2025.41	
42	Lưu Mai Hương	08.11.2004	Cao Bằng	Nữ	Tày	HBT/BDNVSP 000042	NVSP3/2025.42	
43	Nguyễn Xuân Hương	27.10.1978	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000043	NVSP3/2025.43	
44	Triệu Minh Kha	02.10.2001	Trà Vinh	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000044	NVSP3/2025.44	
45	Ngô Trần Quốc Khánh	28.9.2000	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000045	NVSP3/2025.45	
46	Lê Tuấn Kiệt	17.6.1994	Tây Ninh	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000046	NVSP3/2025.46	
47	Trịnh Thị Lệ	04.6.2005	Thanh Hóa	Nữ	Thái	HBT/BDNVSP 000047	NVSP3/2025.47	
48	Nguyễn Trần Khánh Linh	20.6.2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000048	NVSP3/2025.48	
49	Lê Hà Linh	19.02.2005	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000049	NVSP3/2025.49	
50	Đôi Diệu Trang Linh	27.7.2004	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000050	NVSP3/2025.50	
51	Nguyễn Bùi Trang Linh	19.9.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000051	NVSP3/2025.51	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Ký nhận
52	Phan Khánh Linh	17.9.2002	Hưng Yên	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000052	NVSP3/2025.52	
53	Vũ Thùy Linh	07.7.1982	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000053	NVSP3/2025.53	
54	Nguyễn Thị Khánh Linh	04.10.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000054	NVSP3/2025.54	
55	Bùi Thanh Lợi	27.7.2004	Hòa Bình	Nữ	Mường	HBT/BDNVSP 000055	NVSP3/2025.55	
56	Lê Như Luân	12.11.1983	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000056	NVSP3/2025.56	
57	Nguyễn Thanh Lương	19.02.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000057	NVSP3/2025.57	
58	Lý Xuân Mai	18.3.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000058	NVSP3/2025.58	
59	Vũ Phương Mai	21.02.1983	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000059	NVSP3/2025.59	
60	Vũ Hồng Minh	13.02.2004	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000060	NVSP3/2025.60	
61	Lê Thị Hà My	19.11.2005	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000061	NVSP3/2025.61	
62	Nguyễn Thanh Ngân	01.12.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000062	NVSP3/2025.62	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Ký nhận
63	Phùng Như Ngọc	12.9.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000063	NVSP3/2025.63	
64	Nguyễn Minh Nhật	05.02.1998	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000064	NVSP3/2025.64	
65	Trịnh Thị Nhung	08.4.2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000065	NVSP3/2025.65	
66	Nguyễn Thị Nhung	25.11.1992	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000066	NVSP3/2025.66	
67	Đặng Duy Phương	18.9.1996	Bình Định	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000067	NVSP3/2025.67	
68	Nguyễn Minh Phương	26.9.1997	Yên Bái	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000068	NVSP3/2025.68	
69	Trần Thị Minh Phương	29.5.2004	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000069	NVSP3/2025.69	
70	Nguyễn Thị Như Quỳnh	07.6.2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000070	NVSP3/2025.70	
71	Nguyễn Thị Tâm	09.9.2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000071	NVSP3/2025.71	
72	Vương Thị Thu Thảo	05.9.1996	Nghệ An	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000072	NVSP3/2025.72	
73	Nguyễn Thái Thanh Thảo	21.12.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000073	NVSP3/2025.73	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Ký nhận
74	Vũ Hồng Phúc Thịnh	21.6.2005	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000074	NVSP3/2025.74	
75	Huỳnh Phương Thu	16.6.1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000075	NVSP3/2025.75	
76	Nguyễn Quang Tiến	12.7.1989	Tuyên Quang	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000076	NVSP3/2025.76	
77	Nguyễn Đức Tính	24.10.1983	Phú Yên	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000077	NVSP3/2025.77	
78	Đoàn Thu Trang	19.8.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000078	NVSP3/2025.78	
79	Lê Bảo Trang	06.10.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000079	NVSP3/2025.79	
80	Nguyễn Huỳnh Thu Trang	28.7.2005	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000080	NVSP3/2025.80	
81	Nguyễn Thị Huyền Trang	04.9.2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000081	NVSP3/2025.81	
82	Bùi Thùy Trang	18.8.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000082	NVSP3/2025.82	
83	Nguyễn Quốc Triệu	18.10.2003	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000083	NVSP3/2025.83	
84	Nguyễn Trịnh Triệu	26.6.2004	Quảng Ninh	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000084	NVSP3/2025.84	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Ký nhận
85	Nguyễn Trần Kiều Trinh	22.10.2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000085	NVSP3/2025.85	
86	Lê Xuân Trường	29.4.2002	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BDNVSP 000086	NVSP3/2025.86	
87	Đỗ Ngọc Tuyền	25.9.2002	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000087	NVSP3/2025.87	
88	Vùi Phương Uyên	18.01.2004	Lai Châu	Nữ	Giáy	HBT/BDNVSP 000088	NVSP3/2025.88	
89	Ngô Bảo Uyên	10.12.2003	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000089	NVSP3/2025.89	
90	Nguyễn Huỳnh Thanh Vy	29.4.2005	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000090	NVSP3/2025.90	
91	Nguyễn Thị Mỹ Xuân	20.4.1985	Trà Vinh	Nữ	Kinh	HBT/BDNVSP 000091	NVSP3/2025.91	

Tổng số: 91 chứng nhận.

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang